**Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh**

**Trường THPT Trần Văn Giàu**

**Tổ Ngữ Văn**

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 11**

**TUẦN 23 TỪ 3/2 ĐẾN 7/2/2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 1** | ***Tràng giang* (Huy Cận)**  **Tìm hiểu tác giả tác phẩm và ý nghĩa nhan đề, đề từ** | **I.Tìm hiểu chung:**  **1/Tác giả:**  -Huy Cận (1919-2005) quê ở làng Ân Phú,huyện Hương Sơn,tỉnh Hà Tĩnh  -Thuở nhỏ ông học ở quê rồi vào Huế học hết trung học,1939 ra Hà Nội học ở trường cao đẳng Canh nông  -Từ năm 1942,Huy Cận tích cực hoạt động trong mặt trận Việt Minh sau đó được bầu vào uỷ ban dân tộc giải phóng toàn quốc.Sau Cách mạng tháng 8,giữ nhiều trọng trách quan trọng trong chính quyền cách mạng.  => Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.  -Tác phẩm tiêu biểu:  \*Trước cm tháng 8:Lửa thiêng,Kinh cầu tự,Vũ trụ ca  \*Sau cm tháng 8:Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa,Chiến trường gần đến chiến trường xa.  -Thơ HC hàm xúc,giàu chất suy tưởng triết lí  **2/Bài thơ “Tràng giang”**  -Xuất xứ: “Lửa thiêng”  -Hoàn cảnh sáng tác:Vào mùa thu năm 1939 khi đứng trước sông Hồng mênh mông sóng nước.  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1.Nhan đề bài thơ và lời đề từ :**  **a. Nhan đề:**  - từ Hán Việt “Tràng giang”(sông dài) => gợi không khí cổ kính.  - Hiệp vần “ang”: tạo dư âm vang xa, trầm lắng, mênh mang.  =. Gợi không khí cổ kính, khái quát nỗi buồn mênh mang, rợn ngợp.  **b.Lời đề từ:**  -Thể hiện nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của thời gian.  + Nỗi buồn trước cảnh vũ trụ bao la bát ngát.  + Hình ảnh thiên nhiên rộng lớn,tâm sự của cái tôi cô đơn mang nhiều nỗi niềm.  - Câu này là khung cảnh để tác giả triển khai toàn bộ cảm hứng. |  |
| **TIẾT 2** | ***Tràng giang* (Huy Cận)**  **Tìm hiểu khổ thơ 1 và 2** | **2. Văn bản:**  **a. Khổ 1:**  *“Sóng gợn………….mấy dòng”*  + Không gian: cảnh sông nước mênh mông, bát ngát.  + Hình ảnh:  - sóng gợn: những gợn sóng nhỏ  -Thuyền: lẻ loi xuôi mái rẽ nước song song  => gợi sự nổi trôi, lặng lẽ, buồn bã.  -Thuyền 1 ngả, nước 1 đường =>Gợi cảm giác chia lìa, chia li.  - Một cành củi khô: cô đơn lẻ loi trôi bồng bềnh trên dòng sông mênh mang sóng nước gợi lên sự nhỏ nhoi,lạc lõng.  + ý nghĩa biểu tượng:  Dòng sông >< Thuyền, củi:  (dòng đời ) (những kiếp người đơn côi)  => Không gian Tràng giang bao la >< thế giới của cõi nhân sinh nhỏ bé ->cảm giác cô đơn, lẻ loi của con người trong trời đất.  +Nghệ thuật:  -2 từ láy nguyên: buồn “điệp điệp”, nước “song song” => gợi tâm trạng nỗi buồn thương da diết,miên man không dứt  - Cấu trúc đăng đối:  buồn điệp điệp – nước song song  thuyền về – nước lại  một cành khô – lạc mấy dòng  - cách ngắt nhịp 2/2/3  => Với khổ thơ giàu hình ảnh,nhạc điệu và cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiều từ láy,khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tác giả trước thiên nhiên rộng lớn.  **b. Khổ 2**  “Lơ thơ cồn nhỏ…..bến cô liêu”  + Không gian “cồn nhỏ”: hiện lên thưa thớt, hoang sơ, vắng lặng cùng cơn gió đìu hiu thổi.  - Không gian được mở rộng và đẩy cao thêm tới mọi phía: nắng xuống, trời lên, sông dài ra, trời rộng thêm, bến sông nhỏ càng thêm cô liêu.  - Tiếng chợ chiều đã vãn ở 1 làng xa nào đấy cũng không còn nữa, tất cả đều vắng lặng, cô tịch  => Hình ảnh con người và cảnh vật: Cảnh vật cũng thầm vắng lặng, hiu hắt, con người cũng trở nên nhỏ bé, có phần bị rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.  +Âm thanh: Tiếng chợ chiều gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ,vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người  => Nỗi buồn trống trải, cô đơn.  +Nghệ thuật:  -cách dùng từ tài tình: Trời “sâu chót vót”, bầu trời được nâng cao hơn, vô cùng vô tận =>bút pháp Đường thi đối lập giữa cái vô hạn (sông nước, bầu trời) với cái hữu hạn (cồn nhỏ, bến cô liêu)  - bút pháp “họa vân hiển nguyệt” (vẽ trăng nẩy nghuyệt)  - biện pháp tương phản: gợi lên cảm giác trống vắng,cô đơn. (sông, trời >< bến cô liêu)  =>Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng, Huy Cận như muốn lấy âm thanh để xoá nhoà không gian buồn tẻ hiện hữu nhưng không được.Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín. |  |
| **TIẾT 3** | ***Tràng giang* (Huy Cận) Khổ thơ 3, 4** | **c. Khổ 3**  *“Bèo dạt về đâu………..tiếp bãi vàng****”***  +Hình ảnh ước lệ:  -những lớp bèo nối đuôi nhau trôi dạt -> Gợi nỗi buồn mơ hồ, ngơ ngác như những kiếp người lênh đênh, lưu lạc trên dòng đời.  -những bờ xanh nối tiếp bài vàng: xa vắng hoang sơ  -Câu hỏi: “về đâu” gợi cái bơ vơ, lạc loài của kiếp người vô định.  -Không cầu, không đò: không có sự giao lưu kết nối đôi bờ🡪niềm khao khát mong chờ đau đáu dấu hiệu sự sống trong tình cảnh cô độc.  => Đây là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời.  🡺**Ba khổ thơ biểu hiện cho niềm tha thiết với thiên nhiên tạo vật. Đó là một bức tranh thiên nhiên thấm đượm tình người, mang nặng nỗi buồn, bơ vơ của kiếp người. Đằng sau nỗi buồn đó là nỗi buồn của người dân bị mất chủ quyền**.  **d. Tình yêu quê hương( khổ 4)**  *“Lớp lớp………………….nhớ nhà*”  +Hình ảnh ước lệ,cổ điển: Mây,chim... 🡪vẽ lên bức tranh chiều tà đẹp hùng vĩ, êm ả,thơ mộng.  🡪 Nhuốm màu sắc thơ đường.Thiên nhiên thật tráng lệ nhưng buồn  +Nghệ thuật: Tương phản, đối lập:  **cánh chim nhỏ >< mây cao, núi bạc**  => Thiên nhiên hiện lên đối lập giữa cánh chim đơn độc, bơ vơ, nhỏ bé và tội nghiệp với vũ trụ bao la, hùng vĩ.  🡺 Tâm trạng nhân vật trữ tình: Nỗi lòng thương nhớ quê hương trở thành cảm giác thấm thía. Niềm nhớ quê dâng trào như tiếng sóng lòng quê:  *“Không khói……….nhớ nhà”*  => Từ câu thơ của Thôi Hiệu:  *“Nhật mộhương quan hà xứ thị*  *Yên ba giang thượng sử .nhân sầu”*  Huy Cận không cần có khói sông, không cần có cái gợi nhớ mà lòng vẫn dợn dợn nhớ quê -> Nỗi nhớ da diết hơn, thường trực hơn và cháy bỏng hơn.  **🡺 là nỗi buồn của thế hệ thanh niên, trí thức trong những năm tháng mất nước, ngột ngạt, bế tắc 🡪Nỗi buồn trong sáng, nỗi buồn của long yêu nước kín đáo của nhà thơ.**  **III. Tổng kết**  **Ghi nhớ (SGK)** |  |
| **TIẾT 4** | **Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ** | 1/ HS tự ôn lại mục đích, yêu cầu và cách thức bác bỏ của thao tác lập luận bác bỏ ở bài học trước.  2/ Trả lời câu hỏi để tìm hiểu bài như sau:  Đoạn 1: chỉ ra cách thức bác bỏ   * Người viết bác bỏ vấn đề gì? * Chứng minh cho vấn đề đó người viết đã dùng những luận cứ nào?   Đoạn 2 ý kiến bác bỏ nhằm mục đích gì?  Luận cứ đưa ra để bác bỏ vấn đề dựa trên suy nghĩ gì?  *Gợi ý:*  *1/Đoạn 1:Có quan niệm cho rằng cuộc sống riêng của mỗi người là đầy đủ tiện nghi, được bao bọc cẩn thận trong êm ấm và tuyệt đối không cần phải hiểu biết gì nhiều về xung quanh.*  *Ý kiến bác bỏ:Cho đó là sai lầm bởi vì nó làm nghèo nàn đi tâm hồn con người,con người sẽ không có khả năng tự bảo vệ mình khi đối diện với muôn vàn khó khăn của cuộc sống và như thế con người sẽ không thấy được giá trị của hạnh phúc*  *2/Đoạn 2: Ý bác bỏ thứ nhất thể hiện qua dạng câu hỏi tu từ biểu hiện cho thái độ khiêm tốn của Quang Trung*  *Ý bác bỏ thứ hai cho thấy rằng QT chỉ rõ được thái độ chưa hợp tác của các sĩ phu Bắc Hà chứ một đất nước không thể không có người tài,không có người trung thành tín nghĩa.* |  |
|  | **Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ** | Yêu cầu:  Viết đoạn văn bác bỏ cho một trong hai ý kiến ở bài tập 2:  Gợi ý:  1/Bác bỏ quan niệm thứ nhất: Nếu học thuộc nhiều sách,học thuộc nhiều thơ thì chỉ làm cho kiến thức chúng ta thêm phong phú chứ không thể rèn luyện tư duy,khả năng sáng tạo của người viết vì thế khi viết văn dễ sa vào rập khuôn,máy móc,thói khoe chữ cầu kì  2/Đề xuất vài kinh nghiệm:  -Đọc nhiều sách,nhớ những dẫn chứng hay  -Rèn khả năng hành văn  -Tìm tòi,phát hiện cái mới |  |

* Lưu ý: Học sinh tự học những nội dung trên và hoàn thành bài tập, đến ngày học lại, GVBM thu bài tập, đồng thời sẽ dành thời gian để giảng lại và trả lời những thắc mắc của các em.